

Thực trạng tự chủ tại các trường đại học công lập Việt Nam trong những năm gần đây: Một nghiên cứu thực chứng

TS. Phạm Thị Thanh Hồng, TS. Nguyễn Danh Nguyên

Viện Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thực trạng tự chủ đại học tại một số trường đại học công lập khu vực Hà Nội theo 3 nhóm tiêu chí: (1) tự chủ về mặt tổ chức và nhân sự, (2) tự chủ về mặt tài chính, (3) tự chủ về mặt học thuật. Nghiên cứu cũng nhằm xác định những mong muốn về tự chủ từ phía các nhà quản lý trong các trường đại học công lập giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ nhu cầu tự chủ thực tế tại các trường công lập để thay đổi các chính sách theo hướng đáp ứng được nhu cầu của xã hội cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững cho giáo dục đại học tại Việt Nam.

Quan điểm đào tạo đại học trên thế giới đã có nhiều thay đổi, không đơn thuần coi phúc lợi xã hội mà đã được coi là một dịch vụ xã hội. Điều này đồng nghĩa với việc coi chi phí đào tạo là một khoản đầu tư cho tương lai của người học thay vì một khoản phí mà người học phải bỏ ra. Đây chính là một thay đổi nhận thức hết sức quan trọng; buộc các trường đại học phải nỗ lực cạnh tranh để nhận được sự đầu tư nhiều hơn từ phía người học và cả phía xã hội. Tự chủ đại học còn là một xu hướng giúp các trường đại học công lập trong nước vượt qua những thách thức mới thông qua chủ động lựa chọn các dịch vụ đào tạo, dịch vụ nghiên cứu, và các dịch vụ khác nhằm đảm bảo phục vụ cao nhất cho nhu cầu của xã hội và Đất nước.

Vậy, thực trạng tự chủ đại học tại các trường đại học công lập ở Việt Nam hiện nay như thế nào và về phía các trường đại học, mong muốn được tự chủ của họ đến đâu. Bài báo này giới thiệu kết quả khảo sát các cán bộ chủ chốt tại 20 trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Bài báo gồm 3 phần chính: (1) một số khái niệm về tự chủ đại học và các tiêu chí đánh giá tự chủ đại học, (2) phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu, và (3) kết quả khảo sát về thực trạng tự chủ đại học tại các trường công lập Việt Nam.

Từ khóa: giáo dục đại học, đại học công lập, tự chủ đại học

1. Tự chủ đại học và các tiêu chí đánh giá

Đã có khá nhiều học giả đưa ra các khái niệm khác nhau về tự chủ đại học. Trong nghiên cứu này, tự chủ đại học (university autonomy) được xác định là sự tự do của một cơ sở đào tạo đại học trong việc điều hành các công việc của nó mà không có sự chi đạo hoặc tác động từ bất cứ cấp chính quyền nào (Anderson and Johnson, 1998).

Tự chủ đại học thường được đánh giá dưới hai góc độ: tự chủ học thuật và tự chủ thể chế (Berdahl, Altbach & Gumpert, 2011; Berdahl & McConnell, 1999). Tự chủ học thuật là yếu tố cơ bản của đào tạo đại học trong một xã hội dân chủ, là việc đảm bảo cho giảng viên được tự do truyền đạt kiến thức và tiến hành nghiên cứu khoa học không chịu bất kỳ sự

chi phối nào từ bên ngoài. Tự chủ thể chế (institutional autonomy) là điều kiện cho phép một tổ chức đào tạo đại học điều hành hoạt động của tổ chức mà không có sự can thiệp từ bên ngoài (Debreczeni, 2002). Cũng cần chú ý rằng, tự chủ của cơ sở đào tạo đại học hoàn toàn không có nghĩa là nó nằm ngoài sự chi phối của luật pháp. Nó là tự chủ có điều kiện và các điều kiện này được xác định bởi mối quan hệ giữa Nhà nước, xã hội và cơ sở đào tạo đại học.

Khi nghiên cứu đánh giá về mức độ tự chủ tại nhiều quốc gia trên thế giới, các học giả tuy có những bộ tiêu chí khảo sát khác nhau nhưng đều thống nhất lựa chọn 3 nhóm tiêu chí: (1) tự chủ về mặt tổ chức và nhân sự, (2) tự chủ về mặt tài chính,

(3) tự chủ về mặt học thuật.

Tự chủ về mặt tổ chức và nhân sự nhấn mạnh vào khả năng các trường đại học có thể tự chủ trong việc thiết lập cơ cấu tổ chức và kiểm soát, cũng như phương thức lựa chọn kiểu lãnh đạo.

Tự chủ về tài chính nhấn mạnh vào khả năng các trường đại học có thể chủ động trong việc công bố học phí, khả năng huy động vốn từ thị trường tài chính, khả năng đầu tư cho những sản phẩm tài chính, khả năng phát hành cổ phiếu và trái phiếu, khả năng làm chủ sở hữu đất đai nhà xưởng mà họ chiếm hữu hay không.

Tự chủ về học thuật nhằm xác định khả năng ra quyết định của các cơ sở đào tạo đại học về chiến lược phát triển, sứ mệnh, khả năng giới thiệu hoặc ngừng một chương trình đào tạo nào đó, khả năng quyết định về cấu trúc và nội dung của các chương trình đào tạo, cũng như vai trò và trách nhiệm của các cơ sở đào tạo đối với sự đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo và các cấp đào tạo, và cuối cùng là khả năng quyết định về số lượng và điểm nhập học của các cơ sở đào tạo.

Có thể thấy ba nhóm tiêu chí này đã bao phủ toàn bộ những vấn đề có liên quan tới các hoạt động quản lý ở cấp nhà trường. Chính vì vậy, nghiên cứu lựa chọn ba nhóm tiêu chí này làm tiền đề xây dựng bảng hỏi khảo sát mức độ tự chủ và mong muốn tự chủ của các trường đại học khu vực Hà Nội.

2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Trong nghiên cứu này, tổng thể mục tiêu là các trường đại học công lập trên địa bàn Hà Nội và ở một số tỉnh phía Bắc. Danh sách các trường đại học công lập được tập hợp từ nguồn cung cấp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh sách này là căn cứ để tiếp cận và tiến hành công tác điều tra và phỏng vấn.

Từ tổng thể mục tiêu, nhóm nghiên cứu chọn ra 20 trường đại học để gửi phiếu điều tra. Mỗi trường đại học, nhóm nghiên cứu chọn 5 nhà quản lý hàng đầu (trưởng phòng đào tạo, trưởng phòng tài chính/kế toán, trưởng phòng nghiên cứu khoa học, trưởng phòng công tác sinh viên, và một hiệu phó). Tổng cộng, nhóm gửi đi 100 bảng câu hỏi điều tra. Kết quả có 87 nhà quản lý trả lời phiếu điều tra, trong đó có 80 phiếu trả lời đầy đủ và nội dung đảm bảo, các câu trả lời không mâu thuẫn với nhau. Như vậy, mẫu nghiên cứu của đề tài có quy mô là 80

phần tử, đủ lớn để tiến hành các phương pháp thống kê có tính đại diện tương đối cho tổng thể.

Phiếu điều tra được thiết kế ngoài phần thu thập thông tin khái quát về người trả lời điều tra có 3 phần chính với 50 câu hỏi. Phần 1 nhằm điều tra về nhận thức về tự chủ đại học, được trình bày trong 8 câu hỏi. Phần 2 điều tra về mong muốn tự chủ thể hiện qua 30 câu hỏi và tập trung vào 3 phần chính: (1) tự chủ về tài chính, (2) tự chủ về tổ chức và cán bộ, và (3) tự chủ về học thuật. Đây là phần trọng tâm của đề tài. Những câu hỏi thuộc phần thứ 3 của phiếu điều tra yêu cầu người trả lời câu hỏi đánh giá các điều kiện cần thiết cho việc tự chủ tại các trường đại học, thể hiện trong 12 câu hỏi. Các câu hỏi trong mỗi phần được sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó, từ tổng thể đến chi tiết. Sau khi hoàn thành bản thảo đầu tiên, phiếu điều tra được gửi đi để phỏng vấn thí điểm 5 nhà quản lý tại Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, những vướng mắc và thiếu sót của bản thảo được phát hiện, chỉnh sửa và bổ sung để in ấn chính thức và tiến hành điều tra chính thức theo quy mô lớn.

Dữ liệu được thu thập bằng đường gửi thư tới các trường đại học theo địa chỉ trong danh sách tổng thể mục tiêu. Một tuần trước khi phiếu được gửi, nhóm nghiên cứu liên hệ với các trường đại học trong mẫu và đề nghị trường hợp tác trong nghiên cứu. Một tuần sau khi phiếu được gửi, nhóm nghiên cứu gọi điện tới từng cán bộ quản lý của trường để đảm bảo chắc chắn rằng phiếu điều tra đã đến đúng địa chỉ và đối tượng, đồng thời tiếp tục nhắc nhở về việc trả lời phiếu điều tra. Điều tra có tỷ lệ hoàn trả là 87%. Đây là tỷ lệ hoàn trả tương đối cao trong điều tra qua thư.

Cuộc điều tra kéo dài trong một tháng, bắt đầu từ đầu tháng 2/2010 và kết thúc vào đầu tháng 3/2010, là thời điểm các trường đại học không có hoạt động tuyển sinh hay thi cử/đánh giá sinh viên tốt nghiệp.

3. Thực trạng và mong muốn được tự chủ tại các trường công lập Việt Nam

Như trên đã đề cập, nghiên cứu đã thực hiện khảo sát theo 3 nhóm vấn đề chính: (1) nhận thức về tự chủ đại học của các trường đại học (8 câu hỏi), (2) mong muốn của các trường đại học về vấn đề tự chủ đại học (30 câu hỏi), (3) Các điều kiện để tự chủ đại học (12 câu hỏi). Riêng nhóm vấn đề thứ hai, để làm rõ mong muốn các trường đại học về tự chủ, nghiên cứu đã thiết kế các câu hỏi theo 3 vấn đề tự chủ mà

các tài liệu nghiên cứu đều thống nhất, bao gồm (1) tự chủ về tài chính, (2) tự chủ về tổ chức và cán bộ, và (3) tự chủ về học thuật.

Trước hết, về nhận thức chung về tự chủ đại học, người trả lời phỏng vấn hầu hết đều thống nhất rằng “tự chủ đại học là cơ chế quản lý trong đó cho phép trường đại học chủ động thực hiện các hoạt động của mình mà không phải xin phép cơ quan cấp trên” (tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý với ý kiến này là 61,25%). Đặc biệt, người tham gia khảo sát có mức độ thống nhất cao nhất ở 3 điểm: (1) Tăng cường tự chủ đại học là để cho các trường đại học được tự quyết định nhiều hơn (tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý với ý kiến này khá cao, lên tới 93,75%), (2) Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đang làm quá nhiều công việc ở tầm vi mô, mà lẽ ra những việc đó nên để cho các trường tự quyết định (tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý với ý kiến này là 88,75%) và (3) Cơ chế quản lý nhà nước hiện tại đang kìm hãm sự sáng tạo và làm tụt hậu các trường đại học công lập so với các trường

đại học khác (tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý với ý kiến này là 72,5%).

Xét về mức độ nhận thức chung về tự chủ đại học tại các trường đại học Việt Nam hầu hết người trả lời khảo sát đều có ý kiến khá thống nhất. Tỷ lệ % tại các giá trị median của hầu hết các câu hỏi đều đạt ở mức xấp xỉ hoặc trên 50% (xem thêm kết quả ở Bảng 1). Chỉ có với một câu hỏi là “mức độ tự chủ về cán bộ và tổ chức ở trường tôi là rất thấp” số lượng các câu trả lời phân tán trên hầu hết các giá trị (26,25% trả lời “phản đối”, 36,25% trả lời “trung dung”, và 35% trả lời “đồng ý”). Kết quả ban đầu này cho thấy các trường đại học được khảo sát có mức độ tự chủ về cán bộ và tổ chức khá khác nhau, trong khi mức độ tự chủ về các lĩnh vực khác như học thuật hay quản lý tài chính là khá đồng nhất.

Để đánh giá chi tiết hơn về mong muốn được tự chủ tại các trường đại học công lập, khảo sát sử dụng 3 nhóm câu hỏi cho 3 lĩnh vực tự chủ chính: (1) tự chủ về tài chính, (2) tự chủ về tổ chức và cán

Bảng 1: Thực trạng nhận thức về tự chủ đại học tại các trường đại học Việt Nam

(1 – hoàn toàn phản đối, 2 – phản đối, 3 – trung dung (không có ý kiến), 4 – đồng ý, và 5 – hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi	Giá trị trung bình	Giá trị median	Tỷ lệ % tại giá trị median	Tỷ lệ % của 2 mức độ đồng ý và rất đồng ý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Tự chủ ĐH là cơ chế quản lý trong đó cho phép trường ĐH chủ động thực hiện các hoạt động của mình mà không phải xin phép cơ quan cấp trên	3,53	4	52,50	61,25
2. Tăng cường tự chủ ĐH nghĩa là để cho các trường ĐH được tự quyết định nhiều hơn	4,38	4	50,00	93,75
3. Bộ GD&ĐT đang làm quá nhiều công việc ở tầm vi mô, mà lẽ ra những việc đó nên để cho các trường tự quyết định.	4,28	4	52,50	88,75
4. Hiện tại, mức độ tự chủ về mặt tài chính của trường chúng tôi là rất thấp.	3,59	4	48,75	58,75
5. Hiện tại, mức độ tự chủ về mặt tuyển sinh và đào tạo của trường chúng tôi là rất thấp.	3,75	4	60,00	68,75
6. Hiện tại, mức độ tự chủ về mặt tổ chức và cán bộ của trường chúng tôi là rất thấp	3,09	3	36,25	36,25
7. Nhìn chung, mức độ tự chủ hiện tại của trường chúng tôi là rất thấp.	3,55	4	57,50	62,50
8. Cơ chế quản lý nhà nước hiện tại đang kìm hãm sự sáng tạo và làm tụt hậu các trường ĐH công lập so với các trường ĐH khác.	3,88	4	55,00	72,50

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu)

Bảng 2: Thực trạng mong muốn được tự chủ về tài chính tại các trường đại học Việt Nam
(1 – hoàn toàn phản đối, 2 – phản đối, 3 – trung dung (không có ý kiến), 4 – đồng ý, và 5 – hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi	Giá trị trung bình	Giá trị median	Tỷ lệ % tại giá trị median	Tỷ lệ % của 2 mức độ đồng ý và rất đồng ý
1. Mức học phí hiện tại là quá thấp và không đủ bù đắp chi phí đào tạo tính trên đầu SV.	4,30	4	52,50	92,5
2. Sự kiểm soát tài chính hiện tại của cấp bộ đối với các trường ĐH công lập hiện tại là quá cứng nhắc.	3,91	4	57,50	76,25
3. Trường ĐH công lập cần được tự chủ hoàn toàn trong quyết định về mức học phí trên một SV, mức trần học phí là không cần thiết.	3,73	4	53,75	68,75
4. Mức trần học phí (học phí tối đa) là cần thiết, nhưng cần được nâng lên cho phù hợp với chi phí đào tạo tính trên đầu sinh viên.	3,79	4	46,25	70,00
5. Mức học phí mà mỗi trường được phép thu cần gắn với chất lượng đào tạo được kiểm định của nhà trường, trường nào có chất lượng được kiểm định cao hơn cần được trao quyền thu học phí cao hơn.	4,13	4	57,50	87,50
6. Trường ĐH công lập cần được trao quyền để tự chủ hoàn toàn trong việc phân bổ nguồn lực tài chính và vật chất sử dụng bên trong nhà trường.	4,14	4	62,50	88,75
7. Trường ĐH công lập cần được trao quyền tự chủ hoàn toàn trong việc khai thác các cơ sở vật chất được Nhà nước đầu tư trong lĩnh vực hợp tác và chuyển giao công nghệ nhằm tăng nguồn thu và phát triển cơ sở vật chất.	4,24	4	66,25	95,00
8. Chỉ những khoản chi đầu tư lớn mới cần phải lập đề án trình bộ, còn những khoản chi đầu tư nhỏ thì bộ nên để trường tự quyết định.	4,19	4	56,25	87,5
9. Trường ĐH công lập cần được trao quyền tự chủ trong việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để phát triển cơ sở vật chất của nhà trường.	4,31	4	56,25	93,75

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu)

bộ và (3) tự chủ về học thuật.

Đối với vấn đề tự chủ về tài chính, hầu hết người tham gia khảo sát đều thống nhất ở tất cả các câu hỏi được đưa ra trong phần này. Mức độ trả lời đồng ý và rất đồng ý với tất cả các câu hỏi đều đạt trên 70% (xem thêm trên Bảng 2). Những ý kiến có mức độ nhất trí cao nhất bao gồm: (1) Trường đại học công lập cần được trao quyền tự chủ hoàn toàn trong việc khai thác các cơ sở vật chất được Nhà nước đầu tư trong lĩnh vực hợp tác và chuyển giao công nghệ nhằm tăng nguồn thu và phát triển cơ sở vật chất (tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý là 95%), (2) Trường đại học công lập cần được trao quyền tự chủ trong việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để phát triển cơ sở vật chất của nhà trường (tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý là 93,75%), (3) Mức học phí

hiện tại là quá thấp và không đủ bù đắp chi phí đào tạo tính trên đầu sinh viên (tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý là 92,5%), và (4) Trường đại học công lập cần được trao quyền để tự chủ hoàn toàn trong việc phân bổ nguồn lực tài chính và vật chất sử dụng bên trong nhà trường (tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý là 88,75%).

Bảng 3 chỉ rõ mức độ nhất trí ở mức rất cao về các mong muốn đối với mức độ tự chủ về tổ chức và cán bộ của các cán bộ trả lời khảo sát (tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý đều đạt trên 90% cho cả 4 câu hỏi ở phần này).

Đối với các mong muốn về mức độ tự chủ về học thuật của các cán bộ trả lời khảo sát; nhìn chung với cả 3 nhóm vấn đề: (1) quản lý tuyển sinh, (2) quản lý ngành học và chương trình đào tạo và (3) nghiên

Bảng 3: Thực trạng mong muốn được tự chủ về tổ chức và cán bộ tại các trường đại học Việt Nam (1 – hoàn toàn phản đối, 2 – phản đối, 3 – trung dung (không có ý kiến), 4 – đồng ý, và 5 – hoàn toàn đồng ý)

Câu hỏi	Giá trị trung bình	Giá trị median	Tỷ lệ % tại giá trị median	Tỷ lệ % của 2 mức độ đồng ý và rất đồng ý
1. Trường ĐHCL cần được tự chủ về quyết định số lượng cán bộ và mức lương của cán bộ.	4,28	4	56,25	92,50
2. Trường ĐHCL cần được trao quyền tự chủ để có thể trả mức thù lao đặc biệt, tương đương mức thù lao của các tổ chức quốc tế đang trả, để có thể tuyển dụng nhân tài, cán bộ giỏi về làm việc.	4,23	4	67,50	95,00
3. Trường ĐHCL cần được tự chủ về tuyển dụng, bổ nhiệm và chế độ đãi ngộ nhân tài.	4,23	4	62,50	92,50
4. Trường ĐHCL cần được tự quyết định và chủ động trong xây dựng cơ cấu tổ chức, thành lập và phân tách các đơn vị trực thuộc.	4,24	4	58,75	91,25

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu)

cứu khoa học và hợp tác quốc tế tỷ lệ trả lời đồng ý và rất đồng ý đều đạt trên 50%. Điều này cho thấy các trường đại học đều có quan điểm khá gần nhau về những mong muốn trong tự chủ về học thuật. Đặc biệt, mức độ nhất trí của các cán bộ trả lời khảo sát đối với 3 nhóm vấn đề tăng dần lên. Nếu với các vấn đề về quản lý tuyển sinh, mức độ nhất trí mới chỉ đạt trên 55% cho tất cả các câu hỏi thuộc phần này, thì đối với việc quản lý ngành học và chương trình đào tạo, tỷ lệ nhất trí đã đạt trên 58,75%. Ở hai nhóm vấn đề này, những ý kiến có mức độ nhất trí cao nhất bao gồm: (1) Chỉ tiêu tuyển sinh là cần thiết, nhưng cần được xác định một cách khách quan theo lực lượng giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường” (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 82,5%) và (2) Chương trình khung là cần thiết, nhưng Bộ nên giảm hơn nữa phần bắt buộc trong chương trình khung, để các trường đại học được tự quyết định nhiều hơn (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 86,25%).

Đối với tự chủ về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế thì mức độ nhất trí của các cán bộ tham gia khảo sát đã đạt tới mức trên 80% với hầu hết các câu hỏi thuộc phần này. Đặc biệt, ba vấn đề chính có tỷ lệ nhất trí rất cao, đều đạt trên 90% bao gồm: (1) Cơ chế quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học cần được thay đổi theo hướng giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường khoán chi tiêu nghiên cứu khoa học

(tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 95%), (2) Trường đại học công lập cần được tự chủ hơn nữa trong hợp tác quốc tế (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 91,25%), và (3) Quy trình xét duyệt, đánh giá và nghiệm thu còn nặng nề về thủ tục hành chính và không thúc đẩy tính sáng tạo, chịu mạo hiểm của người làm nghiên cứu (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 90%). Nên chăng, các cơ quan chính phủ cần chú ý hơn vào những vấn đề này để giúp tăng cường mảng nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, hiện đang là một mảng rất yếu của khối trường đại học công lập (như trên đã phân tích).

Khảo sát cũng chú ý lấy ý kiến của các cán bộ quản lý tại các trường về các điều kiện giúp cho tự chủ thành công. Các điều kiện để tự chủ được nhất trí cao bao gồm: (1) Công tác kiểm định trường đại học cần được tiến hành một cách công khai, khách quan và chính xác để phát triển tinh thần chịu trách nhiệm của trường đại học (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 98,75%), (2) Cơ chế tự chủ cần gắn liền với sự tự chịu trách nhiệm của trường đại học (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 97,5%), (3) Trường đại học cần công khai các cam kết (chuẩn đầu ra, cơ sở vật chất, tài chính) đối với người học và người sử dụng lao động và phải thực hiện đúng cam kết đó (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 97,5%), (4) Tự chủ đại học cần gắn liền với việc sử dụng

kiểm toán độc lập như các tổ chức kinh tế khác nhằm minh bạch hóa hệ thống tài chính (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 97,5%), (5) Nhà nước cần có những quy định và hướng dẫn (nghị định, thông tư, hướng dẫn) cụ thể hơn về vấn đề tự chủ đại học cho các trường đại học (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 93,75%), và (6) Tự chủ đại học cần gắn liền với việc kiểm định chất lượng đào tạo (tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với ý kiến này là 92,5%).

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thấy các trường đại học hiện đều rất mong muốn được tự chủ ở nhiều phương diện như tự chủ về học thuật, tự chủ về quản lý và nhân sự và tự chủ về tài chính. Cũng có thể thấy rằng Nhà nước đã trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường đại học. Tuy nhiên, việc thực thi tự chủ ở các trường đại học vẫn còn gặp nhiều khó khăn một phần do vẫn chưa được hưởng cơ chế tự chủ hoàn toàn; ví dụ như Nhà nước vẫn đưa ra mức điểm sàn vào đại học, gây khó khăn cho việc thu hút sinh viên ở một số trường có danh tiếng chưa cao. Theo kết quả khảo sát của đề tài, việc trao quyền tự chủ được thực hiện còn chưa tốt. 72,5% các cán bộ quản lý được khảo sát cho rằng cơ chế quản lý nhà nước hiện tại đang kìm hãm sự sáng tạo và làm tụt hậu các trường đại học công lập so với các trường đại học khác. 88,25% các cán bộ tham gia khảo sát cũng nhất trí rằng Bộ GD&ĐT đang làm quá nhiều công việc ở tầm vi mô, mà lẽ ra những việc đó nên để cho các trường tự quyết định.

Tài liệu tham khảo:

1. Altbach, Philip, Robert Berdahl, and Patricia J. Gumport (eds.) 2011. *American Higher Education in the 21st Century: Social, Political, and Economic Challenges*. Third Edition. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press. (First Edition 1999. Second Edition 2005.)
2. Anderson. D. and Johnson, 1998, R. *University Autonomy in Twenty Countries*. Commonwealth of Australia
3. Berdahl, R. O., and McConnell, T. R., 1999, *Autonomy and Accountability: Who Controls Academe?* In P. G Altbach, R. O. Berdahl, and P. J. Gumport (eds.), *American Higher Education in the Twenty-First Century*. Baltimore: Johns Hopkins University Press.
4. Debreczeni P, 2002, *Institutional Autonomy and Accountability*. <http://www.google.com.vn/search?hl=vi&q=%27Institutional+Autonomy+and+Accountability%27&btnG=T%C3%ACm+v%E1%BB%9Bi+Google&meta=> . accessed 25 September 2010
5. Nguyễn Văn Tuấn, *Chất lượng giáo dục đại học: bắt đầu từ thầy và kết thúc ở trò*, Dien dan Forum, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine, France

Mặt khác, bản thân các trường đại học cũng chưa thật sự có đủ năng lực thực hiện tự chủ. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy tự chủ đại học là mong muốn của tất cả các trường đại học. Với mong muốn đó, hoàn toàn có thể tin tưởng rằng trong tương lai bản thân các trường đại học sẽ nỗ lực khá nhiều để có thể thực hiện tốt cơ chế tự chủ được Nhà nước giao phó.

Trong thời gian tới, để giúp các trường đại học thực hiện cơ chế tự chủ tốt hơn, phát huy thế mạnh của tự chủ để đẩy mạnh năng lực cạnh tranh, những vấn đề cần được chú ý bao gồm:

Công tác kiểm định trường đại học cần được tiến hành một cách công khai, khách quan và chính xác để phát triển tinh thần chịu trách nhiệm của trường đại học;

Cơ chế tự chủ cần gắn liền với trách nhiệm giải trình của trường đại học;

Trường đại học cần công khai các cam kết (chuẩn đầu ra, cơ sở vật chất, tài chính) đối với người học và người sử dụng lao động và phải thực hiện đúng cam kết đó;

Tự chủ đại học cần gắn liền với việc sử dụng kiểm toán độc lập như các tổ chức kinh tế khác nhằm minh bạch hóa hệ thống tài chính;

Nhà nước cần có những quy định và hướng dẫn (nghị định, thông tư, hướng dẫn) cụ thể hơn về vấn đề tự chủ đại học cho các trường đại học;

Tự chủ đại học cần gắn liền với việc kiểm định chất lượng đào tạo. □